



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đồng Nai

Số 16

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

02-4-2024	Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND về việc sửa đổi nội dung Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	2
-----------	---	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

27-3-2024	Quyết định số 758/QĐ-UBND phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây	5
22-3-2024	Chỉ thị số 02/CT-UBND về việc tăng cường giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh	50
04-4-2024	Chỉ thị số 03/CT-UBND về tăng cường trách nhiệm công vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công phục vụ người dân, doanh nghiệp	56

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2024/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi nội dung Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi nội dung Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 quy định giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện tham gia giao thông đối với dự án đầu tư xây dựng đường 319 nối dài và nút giao giữa đường 319 với đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây theo hình thức đối

tác công tư, hợp đồng BOT và khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 quy định mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện giao thông đối với dự án Đường chuyên dùng vận chuyển vật liệu xây dựng tại phường Phước Tân và phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo hình thức PPP, hợp đồng BOT của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi nội dung Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

STT	Năm	Phương tiện chịu phí	Mức thu giá (Đồng/vé/ lượt)		
			Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Mức giá áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại buýt vận tải công cộng	39.000	1.170.000	3.159.000
2		Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	54.000	1.620.000	4.374.000
3		Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	69.000	2.070.000	5.589.000
4		Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet	108.000	3.240.000	8.748.000
5		Xe tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet	196.000	5.880.000	15.876.000

2. Sửa đổi nội dung Bảng mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

STT	Năm	Phương tiện chịu phí	Mức thu giá (Đồng/vé/ lượt)		
			Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Mức giá áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại buýt vận tải công cộng	29.000	884.000	2.386.000
2		Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	49.000	1.473.000	3.976.000
3		Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	64.000	1.915.000	5.169.000
4		Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 feet	98.000	2.945.000	7.953.000

STT	Năm	Phương tiện chịu phí	Mức thu giá (Đồng/vé/ lượt)		
			Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
5		Xe tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 feet	177.000	5.302.000	14.315.000

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các nội dung khác của quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai không sửa đổi vẫn giữ nguyên mặt pháp lý.

2. Mức giá dịch vụ sử dụng đường bộ của các phương tiện giao thông ban hành theo quyết định này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 758/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 830/TTr-SNN ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc đề nghị phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động -

Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu; Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây

(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Sông Mây phải tuân thủ theo:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;
- Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn
 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT - Công trình thủy lợi - các qui định chủ yếu về thiết kế.
 - Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng

c) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13615:2022 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.

d) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9147:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.

đ) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11699:2016 Công trình thủy lợi - Đánh giá an toàn đập.

e) Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.

g) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan khác.

Điều 2. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác hồ chứa

1. Về chủ sở hữu hồ chứa

a) Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251).3847292. Website: <http://www.dongnai.gov.vn>.

b) Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Đường Đồng Khởi, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3822970 - Fax: (0251) 3827393. Website: <http://sonongnghiep.dongnai.gov.vn>.

2. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: 126 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 6297663. Website: <http://www.thuyloidongnai.vn>.

Điều 3. Khái quát về hồ chứa

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Sông Mây.

2. Loại và công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thủy lợi hồ chứa nước. Công trình cấp III.

3. Đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ của công trình: Cung cấp nước tưới cho diện tích 950 ha lúa đông xuân, 700 ha lúa hè thu, 600 ha lúa vụ mùa và nuôi trồng thủy sản với diện tích 67 ha, cấp nước thô cho Công ty TNHH Bochang Donatours với lưu lượng 2.000 m³/ngày-đêm.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

6. Thời điểm xây dựng và đưa hồ chứa vào khai thác sử dụng: Công trình được khởi công xây dựng năm 1978 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 1981.

7. Thông số kỹ thuật:

Bảng 1-1: Thông số kỹ thuật hồ chứa nước Sông Mây

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
I	Thông số kỹ thuật công trình đầu mối hồ chứa		
1	Cấp công trình và tiêu chuẩn thiết kế		
	Công trình đầu mối	Cấp	III (QCVN 04-05-2022)
	Tần suất tưới thiết kế	%	85
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,5
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,5
2	Hồ chứa		
	Diện tích lưu vực	km ²	41
	Mực nước chết MNC	m	17
	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	24,5
	Mực nước gia cường MNGC (P = 1,50%)	m	25,66
	Dung tích hồ ứng với MNC	10 ⁶ m ³	0,39
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10 ⁶ m ³	13,75
	Dung tích hồ ứng với MNDGC	10 ⁶ m ³	17,22
	Diện tích mặt hồ ứng với MNC	ha	32
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	ha	269
	Diện tích mặt hồ ứng với MNDGC	ha	302
3	Đập chính		
	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	26,8
	Chiều cao đập lớn nhất	m	14
	Chiều dài đập	m	800
	Bề rộng mặt đập	m	5
	Hệ số mái thượng lưu		01:03,3
	Hệ số mái hạ lưu		01:02,8
4	Tràn xả lũ		
	Đặc điểm kết cấu		BTCT M200
	Hình thức tràn		Tràn tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	24,5
	Chiều rộng tràn nước	m	39
	Cột nước tràn thiết kế	m	1,16
5	Công lấy nước		
	Đặc điểm kết cấu		BTCT M200
	Cao trình ngưỡng công	m	14,8

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Khẩu diện cống (bxh)	m	1,0x1,2
	Lưu lượng xả max	m ³ /s	2,76
6	Tràn sự cố		
	Đặc điểm kết cấu		Kênh đất, xả tự do
	Cao trình ngưỡng tràn	m	24,8
	Bề rộng đáy kênh tràn	m	20
	Hệ số mái kênh tràn		1,5
	Cột nước tràn thiết kế	m	0,86

Chương II

KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP VÀ VẬN HÀNH HỒ CHỨA

Điều 4. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +24,50 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNGC = +25,66 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu và các xã liên quan với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại một số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,55 m đến 3,32 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2296,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m ÷ 2,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.2 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mây được phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2.640 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của xã Bắc Sơn, xã Hồ Nai 3, xã Tân An, xã Thiện Tân, xã Vĩnh Tân cụ thể tại Bảng PL3.1 và Hình PL3.1 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 5. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNKT = +25,80 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,70 m đến 3,54 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2523,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 2,0 m ÷ 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.3 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mây được phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3.344 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của xã: Bình Minh, xã Bắc Sơn, xã Hồ Nai 3, xã Tân An, xã Thiện Tân, xã Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.2 và Hình PL3.2 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 6. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực trị (BĐKH)

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +24,50 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van), hạ du có mưa cực trị (BĐKH). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNGC = +25,66 m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền công, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu và các xã liên quan với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,64 m đến 3,48 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2491,7 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 0,5 m ÷ 2,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.4 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mây được phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 3. 629 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.3 và Hình PL3.3 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 7. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + Mưa cực trị (BĐKH)

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNKT = +25,80 m, hạ du hồ có mưa cực trị (BĐKH). Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ, đề chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 1,90 m đến 3,89 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2781,6 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu 1,0 m ÷ 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.5 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Sông Mây được phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt, khi mực nước đạt MNKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 4.769 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.4 và Hình PL3.4 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư. Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 8. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNGC = +25,66 m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến Cao trình MNKT = +25,80 m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập v.v...) gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Trường hợp này Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai Thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu, huyện Trảng Bom và các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu: độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Sông Mây từ 2,86 m đến 5,63 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2.969,8 ha, trong đó chủ yếu là ngập ở độ sâu > 4,0 m;

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.6 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Thực hiện vận hành theo phương án phòng chống thiên tai được phê duyệt.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 7.187 hộ dân bị ngập.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân cụ thể Bảng PL3.5 và Hình PL3.5 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc ,thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu hồ chứa; tổ chức khai thác hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn hồ chứa

1. Danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, thuộc mỗi cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng của đơn vị giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp. Chủ tịch hoặc trưởng đại diện của tổ chức, cơ quan và văn phòng của người giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, phân công cán bộ hành động sẵn sàng cho các trường hợp khẩn cấp khác nhau đảm bảo liên lạc nhanh trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp chịu trách nhiệm về chuẩn bị danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp cho tổ chức, cơ quan hoặc văn phòng nơi làm việc.

3. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên lạc và tổng hợp vào danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp của cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Bảng 2-1: Danh bạ điện thoại các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
I	Cơ quan cấp tỉnh	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai	02513.822.501
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02513.825.771
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai	02513.822.993
4	Công an tỉnh Đồng Nai	02518.820.999
5	Sở Thông tin và Truyền thông	02513.810.269
6	Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai	02513.894.050
II	Cơ quan cấp huyện	
II.1	Huyện Trảng Bom	
7	Ủy ban nhân dân huyện	02513.866.271
8	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	02513.866.273

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
9	Công an huyện	02513.866.234
10	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế	02513.921.560
12	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	02513.844.278
13	Phòng Tài chính kế hoạch	02513.866.254
14	Phòng Quản lý đô thị	0908.460.282
15	Phòng Giáo dục và Đào tạo	02513.866.274
16	Phòng Tài nguyên và Môi trường	02513.866.859
17	Trung tâm Y tế	02513.866.272
18	Phòng Văn hóa thông tin	0912.861.719
19	Trung tâm Viễn thông huyện	02513.675.676
20	Đài truyền thanh huyện	02513.866.243
II.2	Huyện Vĩnh Cửu	
21	Ủy ban nhân dân huyện	02513.861.114
22	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	02513.861.130
23	Công an huyện	02513.860.243
24	Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Kinh tế	0978.109.990
26	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	0907.301.404
27	Phòng Tài chính kế hoạch	0918.142.549
28	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	0838.448.109
29	Phòng Giáo dục và Đào tạo	0909.794.720
30	Phòng Tài nguyên và Môi trường	0973.677.515
31	Trung tâm Y tế huyện	0911.615.076
32	Phòng Văn hóa thông tin	0908.879.715
33	Trung tâm Viễn thông huyện	02513.861.000
34	Đài truyền thanh huyện	02513.865.097
III	Cơ quan cấp xã	
35	Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện Trảng Bom	02518.971.649
36	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom	02513.869.726
37	Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom	02513.981.390
38	Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom	02513.866.505
39	Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu	02513.927.137
40	Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu	02513.865.038

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
41	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu	02513.601.784
IV	Đơn vị khác	
42	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai	02516.297.663
43	Trạm KTCT TL Biên Hòa - Thống Nhất - Vĩnh Cửu - Trảng Bom	02516.273.763

Điều 10. Quy định phương thức thông tin, cảnh báo, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng

1. Mức độ khẩn cấp được phân loại tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và được Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai căn cứ vào giám sát hiện trường, theo dõi khí tượng thủy văn để xác định được mức độ khẩn cấp, từ đó đưa ra được các hành động ứng phó phù hợp với các mức khẩn cấp từ 1 đến 4.

2. Mức độ khẩn cấp được phân loại theo tính nghiêm trọng và cấp bách. Hệ thống phân loại khẩn cấp là một phương tiện để phân loại các sự kiện khẩn cấp theo thời gian khác nhau xảy ra và với những mức độ khác nhau về sự nghiêm trọng. Hệ thống phân loại cho thấy tính cấp bách của điều kiện khẩn cấp, gồm 4 cấp độ khẩn cấp như sau:

a) Báo động cấp 1 (Đề phòng): Là khi không có nguy hiểm về một sự cố đập, lũ xảy ra chưa ảnh hưởng khu vực hạ lưu. Trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Sông Mây có thể giải quyết một cách nội bộ và công bố báo động cấp 1 cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mây và tỉnh Đồng Nai.

b) Báo động cấp 2 (Sẵn sàng): Tình trạng báo động cấp 1 tiếp tục phát triển, tốc độ phát triển nhanh. Nó xảy ra chỉ khi vẫn còn thời gian để phân tích, các quyết định được đưa ra thêm nhằm khắc phục sự cố. Trường hợp này, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mây thông báo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ.

c) Báo động cấp 3 (Hành động khẩn cấp): Tình trạng báo động 2 tiếp tục phát triển, đó là khi "ít thời gian" để phân tích, quyết định nhằm giảm thiểu trước khi hạ lưu đập bị ảnh hưởng. Đập bị đe dọa nghiêm trọng. Điều kiện này được công bố khi vẫn còn thời gian để cố gắng ngăn chặn sự cố xảy ra bằng các biện pháp khắc phục. Trường hợp này thông báo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng. Chuẩn bị di tản.

d) Báo động cấp 4 (Vỡ đập hoặc lũ lớn và sơ tán): lũ thiết kế đang xảy ra, hoặc đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới. Đó là khi "hết thời gian" để phân tích. Lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Thông báo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4. Tổ chức di tản.

2. Khi có báo động Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thông báo cho các tổ chức cá nhân ứng với mỗi cấp độ báo động được mô tả như bảng Bảng 2-2.

Bảng 2-2: Danh sách được thông báo ứng với mỗi cấp độ báo động

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
I	Cơ quan cấp tỉnh				
1	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Đồng Nai	+	+	+	+
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	+	+	+	+
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai			+	+
4	Công an tỉnh Đồng Nai			+	+
5	Sở Thông tin và Truyền thông	+	+	+	+
6	Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai	+	+	+	+
II	Cơ quan cấp huyện				
7	Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
8	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
9	Công an huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
10	Phòng kinh tế/ Nông nghiệp và PTNT huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
11	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
12	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
13	Phòng Quản lý đô thị huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
14	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
15	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
16	Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
17	Phòng Văn hóa thông tin huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
18	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh		+	+	+
19	Trung tâm Viễn thông huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
20	Đài truyền thanh huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu	+	+	+	+
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu		+	+	+
III	Cơ quan cấp xã				
22	Ủy ban nhân dân xã Bình Minh huyện Trảng Bom, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
23	Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn huyện Trảng Bom, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
24	Ủy ban nhân dân xã Hố Nai 3 huyện Trảng Bom, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
25	Ủy ban nhân dân xã Sông Trầu huyện Trảng Bom, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
26	Ủy ban nhân dân xã Tân An huyện Vĩnh Cửu, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+
27	Ủy ban nhân dân xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã				
28	Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tân huyện Vĩnh Cửu, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN xã	+	+	+	+

a) Đối với cấp báo động 1: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 1 (đề phòng) tại Sơ đồ 5.1 của Phụ lục 5.

b) Đối với cấp báo động 2: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 2 (sẵn sàng) tại Sơ đồ 5.2 của Phụ lục 5.

c) Đối với cấp báo động 3: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 3 (hành động khẩn cấp) tại Sơ đồ 5.3 của Phụ lục 5.

d) Đối với cấp báo động 4: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản) tại Sơ đồ 5.4 của Phụ lục 5.

3. Phương tiện thông báo: Điện thoại, vô tuyến điện, đài phát thanh, truyền hình, thư, email, còi, loa, keng v.v... sao cho phù hợp với tình hình hiện tại của khu vực nhiên cứu và có sự thống nhất với địa phương.

4. Thời gian thông tin, cảnh báo sớm, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng ứng với từng cấp báo động để triển khai công tác ứng phó tuân thủ theo các Điều 14, 15 và 16 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai. Cụ thể như sau:

a) Đối với cấp báo động 1: Ban hành mỗi ngày 02 bản tin cảnh báo vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

b) Đối với cấp báo động 2, 3, 4: Ban hành tin cảnh báo ngay sau khi mức báo động cấp 2, 3, 4 được Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định; tin cảnh báo có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép vào tin cảnh báo lũ, tin lũ, tin lũ khẩn cấp.

Chương III**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC KHAI THÁC HỒ CHỨA, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN****Điều 11. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi**

1. Chủ động chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện, kinh phí theo trách nhiệm của đơn vị để triển khai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình, các hạng mục công trình; kịp thời sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình theo các quy trình hiện hành.

3. Bố trí cơ sở làm việc cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ở vị trí thuận tiện tại công trình để điều hành chỉ huy trong tình huống khẩn cấp.

4. Phối hợp chặt chẽ với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện công tác dự báo thủy văn cho công trình.

5. Trong tình huống khẩn cấp, vận hành công trình theo quy định và kịp thời bố trí lực lượng của đơn vị cùng tham gia ứng phó, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại cho công trình và vùng hạ du đập.

6. Theo dõi và đánh giá diễn biến tình hình tại công trình. Trong trường hợp có sự cố đe dọa, phải kịp thời đánh giá mức độ nguy hiểm. Trường hợp sự cố xảy ra, trao đổi ngay với Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai hồ chứa nước Sông Mây và báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Đồng Nai để chuyển trạng thái vận hành, từ vận hành bình thường sang vận hành khẩn cấp.

7. Lập các báo cáo về tình huống khẩn cấp.

8. Phối hợp với các lực lượng tại địa phương nhanh chóng giúp đỡ cư dân ở ngay hạ lưu đập sơ tán khẩn cấp theo các kịch bản trong trường hợp lũ lớn hoặc vỡ đập sắp xảy ra.

Điều 12. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với hồ chứa nước Sông Mây theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây theo thẩm quyền.

Điều 13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, điều hành phối hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang và các đơn vị chuyên trách, bán chuyên trách tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh trong quá trình ứng phó, xử lý sự cố công trình.

Điều 14. Công an tỉnh Đồng Nai

Chi viện lực lượng công an theo yêu cầu của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và cứu nạn tỉnh. Chỉ huy lực lượng công an đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực ứng phó, xảy ra sự cố công trình; phân luồng, phân tuyến giao thông, khi xảy ra ngập lụt gây ách tắc giao thông; phối hợp lực lượng quân đội thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn.

Điều 15. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Đảm bảo thông tin liên lạc giữa các thành viên của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Ủy ban nhân dân các cấp, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai và các ngành, đơn vị tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp;

2. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lệnh sơ tán, Sở Thông tin và Truyền thông Đồng Nai chỉ đạo Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, các đơn vị Viễn thông, các cơ quan Báo, Đài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kịp thời thông tin đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp khu vực bị ảnh hưởng biết và thực hiện lệnh sơ tán theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện về các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra theo thẩm quyền về tính an toàn cho công trình trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp để kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú;

2. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó tình huống khẩn cấp.

Điều 17. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây lĩnh vực Tài nguyên, môi trường. Sau khi sự cố xảy ra tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường, xác định khu vực bị ô nhiễm để có biện pháp khắc phục, phục hồi môi trường, chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

2. Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam bộ và Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện các quy định về quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 18. Sở Công Thương

1. Đảm bảo cấp điện thực hiện ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây;

2. Điều tiết nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu để cung ứng, phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Tổ chức kiểm tra các tuyến đường di tản theo phương án ứng phó, trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp kịp thời duy tu, sửa chữa để phục vụ di tản người dân, tài sản đến nơi an toàn.

2. Chỉ huy việc huy động các lực lượng, phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường bộ trong công tác tham gia cứu hộ, cứu nạn, di dời khi xảy ra sự cố công trình;

3. Phối hợp Công an tỉnh chỉ huy phân luồng, phân tuyến, điều tiết giao thông khi xảy ra ách tắc giao thông phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 20. Sở Y tế

Chỉ đạo hệ thống bệnh viện, cơ sở y tế tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị y tế, chuẩn bị đầy đủ cơ số thuốc và dụng cụ y tế để cấp cứu và cứu trợ khẩn cấp những khu vực ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây, phòng ngừa dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau sự cố.

Điều 21. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức điều hành ứng phó với tình huống khẩn cấp, sự cố ảnh hưởng đến trường học; tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng, tránh, ứng phó tình huống khẩn cấp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho học sinh tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng nghỉ học, khi có lệnh báo động.

Điều 22. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Tổ chức thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả cho người dân, đề xuất giải quyết các vấn đề chính sách xã hội ở các địa phương bị ảnh hưởng do sự cố công trình gây ra.

Điều 23. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn

1. Chủ trì công tác vận động nhân dân đóng góp cứu trợ: Hàng hóa, tiền, lương thực, thực phẩm, nước uống..., để kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do sự cố công trình gây ra.

2. Phối hợp huy động lực lượng tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Sông Mây.

Điều 24. Đài Khí tượng thủy văn Đồng Nai

Thông báo thường xuyên, kịp thời về tình hình khí tượng thủy văn nguy hiểm và khi xảy ra tình huống khẩn cấp tại công trình hồ chứa nước Sông Mây cho các thành viên Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, các địa phương liên quan.

Điều 25. Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai

Chủ trì đảm bảo an toàn mạng lưới điện, nguồn điện, trạm biến áp, khắc phục sự cố đảm bảo nguồn điện cung cấp đầy đủ, ưu tiên cho các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, dự báo, cảnh báo, ứng phó với tình huống khẩn cấp; hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn khi xảy ra sự cố công trình.

Điều 26. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai

Khi nhận được thông báo lệnh sơ tán, lệnh báo động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện, Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai phát đi thông tin cảnh báo, báo động, sơ tán cho người dân ở hạ lưu đập biết để chuẩn bị sẵn sàng sơ tán.

Điều 27. Ủy ban nhân dân các huyện: Trảng Bom, Vĩnh Cửu

1. Tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn và các phương tiện vận tải để hỗ trợ người dân trong quá trình sơ tán khi xảy ra mức báo động 3 hoặc 4.
2. Thông báo, bố trí nhân lực và hướng dẫn người dân ở khu vực hạ lưu sơ tán đến nơi an toàn khi Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh công bố đến nơi an toàn, mức báo động 3 và 4.
3. Chủ động chuẩn bị công tác hậu cần để sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp, phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho đập.
4. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các công việc dọn dẹp và khắc phục hậu quả sau thiên tai.
5. Rà soát các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú để chủ động kiểm tra hoặc đề xuất Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp.

Điều 28. Ủy ban nhân dân các xã Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu (huyện Trảng Bom) và các xã Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu)

1. Tổ chức và sơ tán người dân trong địa bàn xã đến nơi an toàn.
2. Thống kê tình hình thiệt hại, tổng hợp và báo cáo nhanh về Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện.
3. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ giúp đỡ người dân nhanh chóng khắc phục thiệt hại về tài sản, sản xuất nông nghiệp; phối hợp khắc phục, sửa chữa các công trình hạ tầng, nhà cửa, đường sá,... đặc biệt là công trình thủy lợi bị hư hỏng để đưa vào vận hành phục vụ sản xuất.

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA HÌNH, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (LƯỢNG MƯA, MÙA MƯA, LƯU LƯỢNG LŨ LỚN NHẤT...), THẨM THỰC VẬT LƯU VỰC HỒ CHỨA THEO THIẾT KẾ; CÁC HÌNH THÁI THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG LƯU VỰC HỒ CHỨA

1. Đặc điểm địa hình.

Vùng nghiên cứu có địa hình thấp dần theo hướng Đông Tây, cao độ trung bình khoảng 67 m, nơi cao nhất là 405 m thuộc vùng đồi núi ở H.Thống Nhất. Diện tích có cao độ < 5 m chỉ chiếm 0,41% (116 ha). Diện tích với cao độ < 50 m khoảng 11,2 ngàn ha (40%), từ 50-100 m là 11,7 ngàn ha (41,5%) và diện tích ứng với cao độ lớn hơn 100 m chiếm 18,5% (trong đó 0,2% diện tích có cao độ trên 300 m).

Bảng 1.1: Cao độ địa hình khu vực nghiên cứu

Cao độ (m)	Diện tích cộng dồn (ha)	Tỷ lệ (%)
< 5	116	0,41
5 - 10	2.567	9,14
10 - 15	3.757	13,38
15 - 20	4.565	16,26
20 - 30	6.298	22,43
30 - 40	8.183	29,14
40 - 50	11.263	40,11
50 - 100	22.912	81,60
100 - 200	27.386	97,54
200 - 250	27.882	99,30
250 - 300	28.014	99,77
300 - 350	28.055	99,92
350 - 400	28.075	99,99
> 400	28.078	100,00

Khoảng 95% diện tích lưu vực có độ dốc nhỏ hơn 8o cho thấy địa hình lưu vực sông nhìn chung khá bằng phẳng thuận lợi cho việc canh tác. Tuy nhiên, do địa hình bằng phẳng nên khi xảy ra lũ thì thời gian ngập thường kéo dài do khả năng tiêu thoát kém.

Bảng 1.2: Độ dốc địa hình khu vực nghiên cứu

Độ dốc (độ)	Diện tích cộng dồn (ha)	Tỷ lệ (%)
0 - 3	22.844	81,36
3 - 8	26.663	94,96
8 - 15	27.826	99,10
15 - 30	28.065	99,96
> 30	28.078	100,00

2. Khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất...)

a) Đặc điểm khí hậu

Lưu vực hồ Sông Mây nằm trong khu vực Đông Nam Bộ mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa: Nóng ẩm và mưa nhiều, hàng năm khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa từ tháng V đến tháng X: Ảnh hưởng chủ yếu là gió mùa Tây Nam mang nhiều hơi ẩm gây ra mưa nhiều. Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 - 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, các vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão Biển Đông.

- Mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau, chịu sự chi phối của gió mùa Đông khô, hanh. Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 - 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng III, IV).

b) Mưa năm trên lưu vực

Lượng mưa bình quân lưu vực được xác định thông qua tài liệu nhiều năm trạm Thống Nhất (Trảng Bom), trạm Biên Hòa và kết hợp với bản đồ đẳng trị mưa BQNN toàn quốc do Viện KTTV xây dựng.

- Theo kết quả tính toán từ chuỗi số liệu mưa giai đoạn 1978 - 2020, lượng mưa năm BQNN trạm Thống Nhất là $X_0 = 1.962$ mm.

- Trên bản đồ đẳng trị mưa, lưu vực hồ Sông Mây ở vị trí có giá trị lượng mưa BQNN khoảng 1950 đến 2000 mm.

Đề an toàn, đề nghị lựa chọn lượng mưa năm BQNN của lưu vực Sông Mây là: $X_0 = 1.900$ mm.

Phân phối mưa trong năm áp dụng theo phân phối trạm Thống Nhất. Mô hình mưa năm BQNN cho lưu vực Sông Mây như sau:

Bảng 1.3: Lượng mưa bình quân lưu vực, đơn vị: mm

Đặc trưng	Tháng												Năm
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
Xbq	8,5	8,1	24,1	74,8	196,1	253,1	293,4	301,5	331,0	272,6	107,3	29,7	1900,0

Lượng mưa năm thiết kế được xác định thông qua bộ thông số thống kê lượng mưa năm của trạm Thống Nhất và xác định được mô hình mưa năm ứng với các tần suất thiết kế như bảng sau:

Bảng 1.4: Phân phối mưa năm thiết kế trên lưu vực hồ Sông Mây, đơn vị: mm

Đặc trưng	Tháng												Năm
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
X75%	0,0	0,0	0,0	3,9	171,5	127,2	341,6	287,5	327,4	229,5	225,1	0,0	1713,7
X85%	0,0	0,0	0,0	3,6	160,6	119,1	319,8	269,2	306,6	214,9	210,8	0,0	1604,5

c) Mưa gây lũ trên lưu vực

Hàng năm, các tháng VIII, IX, X thường xuất hiện những trận mưa lớn, kéo dài 1 - 2 ngày, có khi hơn, sinh ra lũ trên lưu vực.

Đối với các lưu vực thuộc loại nhỏ như lưu vực hồ Sông Mây, lưu lượng đỉnh lũ phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa một ngày lớn nhất. Còn lượng mưa toàn trận và phân bố của trận mưa sau khi được lưu vực điều tiết sẽ tạo ra tổng lượng lũ và dạng đường quá trình lũ.

Do đó, việc xác định lượng mưa thời đoạn ngắn là rất cần thiết để tính toán lũ trên lưu vực.

Từ tài liệu thực đo nhiều năm, tính toán thống kê theo phương pháp đường thích hợp lượng mưa 1 ngày lớn nhất (X_{1max}) tại trạm Thống Nhất, xác định được lượng mưa gây lũ trên lưu vực như bảng sau:

Bảng 1.5: Lượng mưa ứng với các tần suất trên lưu vực hồ Sông Mây, đơn vị: mm

Lưu vực	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=5%	P=10%
Hồ Sông Mây	314,7	277,7	256,6	241,8	195,9	162,7

Bảng 1.6: Lượng mưa gây lũ trên lưu vực trong điều kiện BĐKH kịch bản RCP 8.5

Tần suất	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=5%	P=10%
X_{1max}	375,1	331,0	305,8	288,2	233,5	193,9

d) Dòng chảy lũ đến lưu vực hồ chứa nước Sông Mây

Lưu vực nghiên cứu có diện tích nhỏ ($F = 41,0 \text{ km}^2$). Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 sử dụng công thức Cường độ giới hạn để tính lưu lượng lớn nhất cho lưu vực có diện tích nhỏ hơn 100 km^2 . Kết quả tính toán dòng chảy lũ như sau:

Bảng 1.7: Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế hồ Sông Mây, (đơn vị: m^3/s)

Lưu vực	$Q_{maxp} (\text{m}^3/\text{s})$					
	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%	5%	10%
Hồ Sông Mây	336	292	270	249	209	174

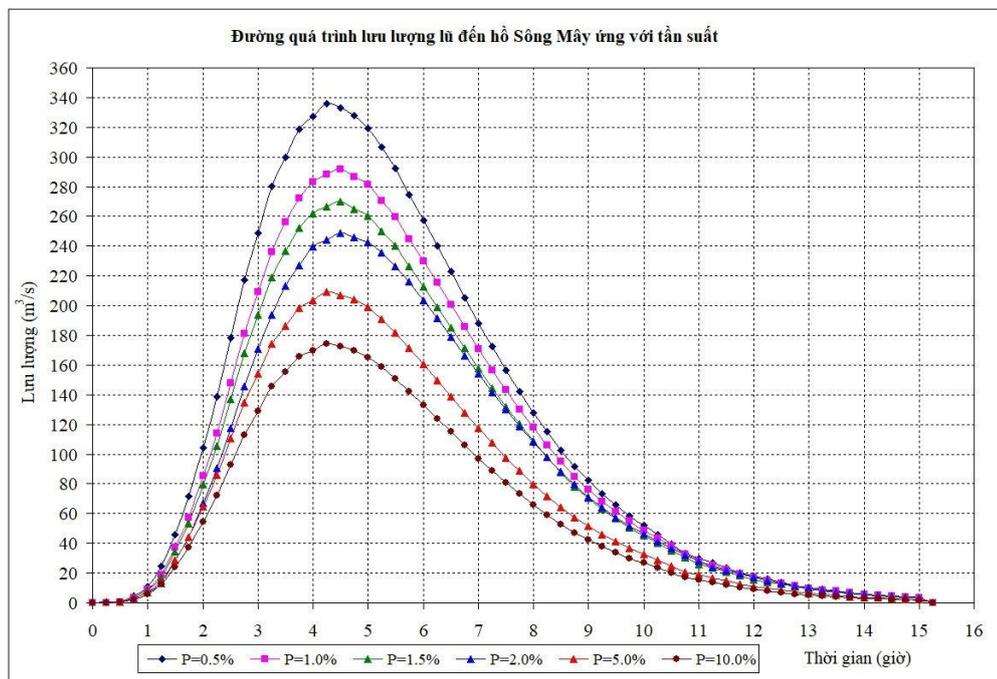
Bảng 1.8: Tổng lượng lũ thiết kế hồ Sông Mây, (đơn vị: 10^6 m^3)

Lưu vực	$W (10^6 \text{ m}^3)$					
	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%	5%	10%
Hồ Sông Mây	5,802	5,225	4,926	4,628	3,885	3,234

Bảng 1.9: Quá trình lũ đến hồ chứa nước Sông Mây ứng với các tần suất thiết kế theo kết quả Cường độ giới hạn, (đơn vị: m³/s)

Thời gian (giờ)	P=0,5%	P=1,0%	P=1,5%	P=2,0%	P=5,0%	P=10,0%
0,00	0	0	0	0	0	0
0,25	0	0	0	0	0	0
0,50	1	1	1	1	1	0
0,75	5	4	3	2	3	3
1,00	11	9	8	7	7	6
1,25	25	19	17	13	15	13
1,50	46	37	35	28	29	24
1,75	71	57	53	44	44	37
2,00	105	86	79	67	65	54
2,25	139	114	106	91	86	72
2,50	178	148	137	118	111	93
2,75	217	181	168	146	135	113
3,00	249	209	194	171	154	129
3,25	280	236	219	194	174	146
3,50	300	256	237	213	186	156
3,75	319	272	252	227	198	165
4,00	328	283	262	239	204	170
4,25	336	288	267	244	209	174
4,50	333	292	270	249	207	172
4,75	328	287	265	246	204	170
5,00	319	281	260	243	199	165
5,25	307	271	250	236	191	159
5,50	292	260	240	226	182	151
5,75	275	245	226	216	171	142
6,00	257	230	213	204	160	133
6,25	240	215	199	191	150	124
6,50	223	200	185	179	139	115
6,75	205	186	171	166	128	106
7,00	188	171	158	154	117	97
7,25	172	157	145	142	107	89
7,50	157	143	132	130	98	81
7,75	142	130	120	119	89	73
8,00	128	118	109	108	80	66
8,25	115	106	98	98	72	59
8,50	102	95	88	89	64	53
8,75	92	85	78	80	57	47
9,00	82	77	71	71	51	42
9,25	74	68	63	64	46	38
9,50	66	61	57	57	41	34
9,75	58	55	50	52	36	30
10,00	52	49	45	46	33	27
10,25	46	44	40	41	29	23
10,50	39	38	35	37	25	20

Thời gian (giờ)	P=0,5%	P=1,0%	P=1,5%	P=2,0%	P=5,0%	P=10,0%
10,75	33	33	30	32	21	17
11,00	30	28	26	28	19	15
11,25	27	25	23	24	17	14
11,50	23	23	21	22	15	12
11,75	20	20	18	19	13	10
12,00	18	17	16	17	11	9
12,25	16	15	14	15	10	8
12,50	14	13	12	13	9	7
12,75	12	12	11	12	7	6
13,00	10	10	9	10	6	5
13,25	9	9	8	9	6	5
13,50	8	8	7	8	5	4
13,75	7	7	6	7	4	3
14,00	6	6	5	6	4	3
14,25	5	5	5	5	3	3
14,50	5	5	4	4	3	2
14,75	4	4	4	4	3	2
15,00	3	3	3	4	2	2
15,25	0	0	0	0	0	0
Max	336	292	270	249	209	174



Hình 3.2: Đường quá trình lũ đến theo các tần suất hồ Sông Mây

3. Các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa bao gồm: Áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét, mưa đá và sương mù; Mưa lớn, lũ và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; Nắng nóng, hạn hán; Động đất.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM VÙNG HẠ DU HỒ CHỨA

1. Địa hình vùng hạ du hồ chứa.

Phạm vi vùng hạ du đập chính hồ chứa nước Sông Mây, huyện Trảng Bom, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Suối hồ Sông Mây: Từ sau hồ Sông Mây đến đường DT767 với chiều dài khoảng 3,7 km;

- Suối sông Thao: Từ vị trí điểm đo lũ lưu vực sông Thao đến đường DT767 với chiều dài khoảng 3,8 km;

- Suối hạ lưu sông Thao Sông Mây - Đập Bến Xúc: Từ hợp lưu đường DT767 đến hợp lưu với suối Đập Bến Xúc - Sông Đồng Nai với chiều dài khoảng 6,3 km;

- Suối Đập Bến Xúc - Sông Đồng Nai: Từ vị trí hợp lưu hạ lưu sông Thao Sông Mây - Đập Bến Xúc đến sông Đồng Nai với chiều dài khoảng 12,7 km.

2. Dân cư vùng hạ du hồ chứa.

Trong phạm vi vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa nước Sông Mây có khoảng 146.090 hộ dân. Số hộ dân thuộc vùng ảnh hưởng phân bố ở các xã: Bình Minh, Bắc Sơn, Hồ Nai 3, Sông Trầu (huyện Trảng Bom), các xã: Tân An, Thiện Tân, Vĩnh Tân (huyện Vĩnh Cửu), trong đó xã Bắc Sơn (huyện Long Thành) tập trung nhiều nhất với khoảng 76.125 hộ.

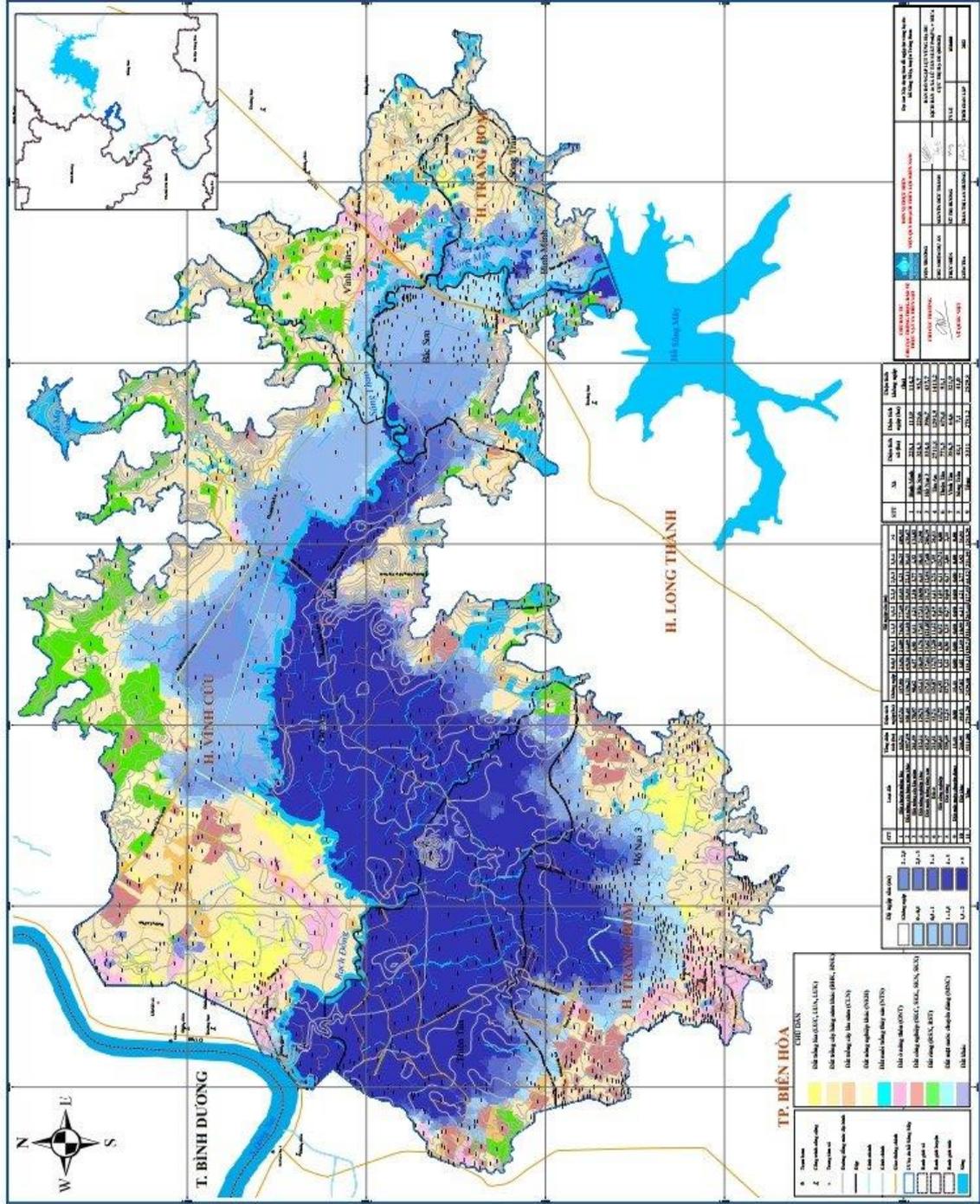
Chương III
SƠ ĐỒ MẶT BẰNG HỒ CHỨA, BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU TRONG TỈNH HUÔNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP THEO CÁC KỊCH BẢN

1. Sơ đồ mặt bằng hồ chứa.



5. Bản đồ ngập lụt kịch bản xã lũ kiểm tra P=0.5% + Mưa cực trị hạ dụ (BĐKH)

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU HỒ SÔNG MÂY
KỊCH BẢN 4: XÃ LŨ TẦN SUẤT P=0.5% + MƯA CỰC TRỊ HẠ DỤ (BĐKH)



Phụ lục II*(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)***ĐỘ SÂU NGẬP LỤT, DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẢN CẤP HỒ SÔNG MÂY**

Bảng PL2.1: Thống kê độ sâu ngập lụt ứng với các kịch bản, đơn vị: m

Điểm	Độ sâu ngập lụt lớn nhất (m)				
	Xả thiết kế P=1.5%	Xả kiểm tra P=0.5%	Xả thiết kế P=1.5%+Mưa cực trị (BDKH)	Xả thiết kế P=0.5%+Mưa cực trị (BDKH)	Vỡ đập +P=0.5%
VT-1	1,55	1,70	1,64	1,90	2,86
VT-2	2,25	2,42	2,37	2,62	3,14
VT-3	2,65	2,82	2,78	3,14	4,88
VT-4	3,16	3,35	3,29	3,66	5,14
VT-5	3,32	3,54	3,48	3,89	5,63
VT-6	2,09	2,33	2,25	2,66	3,94

Bảng PL2.2: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hố Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiên Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0 - 0,5	19,7	17,3	20,3	1,2	61,7	13	16,6	149,8
2	0,5 - 1,0	25,4	136,1	16	1,4	209,8	16,2	13	417,9
3	1,0 - 1,5	10,6	11	9,8	0,7	181,9	16,7	4,7	235,4
4	1,5 - 2,0	8,7	6,2	13,4	0,7	99,5	17,1	5,1	150,7
5	2,0 - 2,5	1,9	6,9	14,1	0,1	22,2	13,9	1	60,1
6	2,5 - 3,0	2,5	2,6	9,1	0,4	21,2	28,8	1,5	66,1
7	3,5 - 4,0	3,6	1,4	70,8	0,4	48	83,3	1,2	208,7
8	> 4,0	15,1	7,9	38,8	1,2	529,2	413,1	2,8	1008,1
Tổng		87,5	189,4	192,3	6,1	1173,5	602,1	45,9	2296,8

Bảng PL2.3: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hố Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiên Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0 - 0,5	3,4	6,3	24,7	0,9	41,4	12,3	7,5	96,5
2	0,5 - 1,0	21,7	27,6	14,0	1,4	47,7	8,4	9,5	130,3
3	1,0-1,5	18,3	13,8	22,8	1,0	51,5	14,2	25,6	147,2
4	1,5 - 2,0	25,4	25,1	17,2	0,8	77,2	9,0	8,0	162,7
5	2,0 - 2,5	7,6	74,0	12,3	0,1	189,5	9,9	4,1	297,5
6	2,5 - 3,0	8,8	39,4	12,4	0,4	142,9	15,2	6,2	225,3
7	3,5 - 4,0	3,9	9,9	27,1	0,4	87,6	46,4	2,7	178,0
8	> 4,0	20,0	18,6	114,3	1,2	595,8	531,9	4,5	1286,3
Tổng		109,1	214,7	244,8	6,2	1233,6	647,3	68,1	2523,8

Bảng PL2.4: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế P=1,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0 - 0,5	25,5	34,0	21,4	1,2	66,6	14,9	30,7	194,3
2	0,5 - 1,0	18,7	12,4	22,2	1,4	60,6	10,7	14,8	140,8
3	1,0 - 1,5	21,7	135,9	21,5	0,7	265,4	14,7	6,2	466,1
4	1,5 - 2,0	9,7	2,6	11,9	0,7	128,4	8,8	3,2	165,3
5	2,0 - 2,5	5,9	5,3	15,2	0,1	77,9	18,1	5,0	127,5
6	2,5 - 3,0	1,4	6,7	15,8	0,4	21,0	25,5	0,7	71,5
7	3,5 - 4,0	5,4	8,4	59,1	0,4	38,5	64,5	2,2	178,5
8	> 4,0	17,6	8,3	64,8	1,2	566,0	486,5	3,3	1147,7
Tổng		105,9	213,6	231,9	6,1	1224,4	643,7	66,1	2491,7

Bảng PL2.5: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra P=0,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0 - 0,5	27,6	33,6	48,0	1,2	54,1	8,4	30,2	203,1
2	0,5 - 1,0	19,6	15,7	40,5	1,3	46,5	9,1	15,0	147,7
3	1,0 - 1,5	19,4	82,8	43,8	0,8	197,6	5,5	4,5	354,4
4	1,5 - 2,0	12,7	52,1	33,9	0,4	161,6	12,1	4,3	277,1
5	2,0 - 2,5	2,7	10,6	22,9	0,2	83,7	14,6	3,0	137,7
6	2,5 - 3,0	1,6	4,5	17,4	0,4	26,2	14,1	0,8	65,0
7	3,5 - 4,0	6,3	7,4	28,9	0,7	38,9	28,3	2,5	113,0
8	> 4,0	24,1	21,9	161,3	2,1	683,4	586,4	4,4	1483,6
Tổng		114,0	228,6	396,7	7,1	1292,0	678,5	64,7	2781,6

Bảng PL2.6: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ tần suất kiểm tra P=0,5% + Vỡ đập

TT	Độ sâu ngập (m)	Diện tích ngập lụt (ha)							
		Bình Minh	Bắc Sơn	Hồ Nai 3	Sông Trầu	Tân An	Thiện Tân	Vĩnh Tân	Tổng
1	0,0 - 0,5	24,2	27,9	46,1	1,7	54,8	5,4	25,9	186,0
2	0,5 - 1,0	28,7	8,8	45,1	1,8	62,2	10,1	19,4	176,1
3	1,0 - 1,5	37,4	65,2	45,6	5,0	267,1	7,8	27,7	455,8
4	1,5 - 2,0	9,1	11,8	27,3	0,7	135,0	14,1	3,4	201,4
5	2,0 - 2,5	20,4	15,3	21,7	0,2	59,7	18,3	4,5	140,1
6	2,5 - 3,0	3,4	4,2	16,2	0,4	23,4	10,3	1,3	59,2
7	3,5 - 4,0	5,5	10,4	27,9	0,4	34,0	31,2	5,1	114,5
8	> 4,0	16,3	69,4	156,0	1,1	805,1	577,4	11,4	1636,7
Tổng		145,0	213,0	385,9	11,3	1441,3	674,6	98,7	2969,8

Phụ lục III*(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)***SỐ HỘ, HƯỚNG ĐI TẢN, NƠI ĐI CHUYỂN ĐẾN, PHƯƠNG TIỆN ĐI CHUYỂN KHI CÓ LŨ LỚN, BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH ĐI TẢN DÂN CƯ THEO CÁC KỊCH BẢN****Bảng PL3.1: Số hộ ảnh hưởng, hướng đi chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ thiết kế P=1,5%**

Xã	Số hộ dân	Hướng đi chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bác Sơn	393	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	281	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	1525	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	2	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	439	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.2: Số hộ ảnh hưởng, hướng đi chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ kiểm tra P=0,5%

Xã	Số hộ dân	Hướng đi chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	10	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bác Sơn	431	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	209	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2112	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	116	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	466	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.3: Số hộ ảnh hưởng, hướng đi chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ thiết kế P=1,5%, mưa cực đoạn hạ du (BĐKH)

Xã	Số hộ dân	Hướng đi chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	34	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bác Sơn	558	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Hố Nai 3	336	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2078	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	2	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	621	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.4: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ kiểm tra P=0,5%, mưa cực đoạn hạ du (BĐKH)

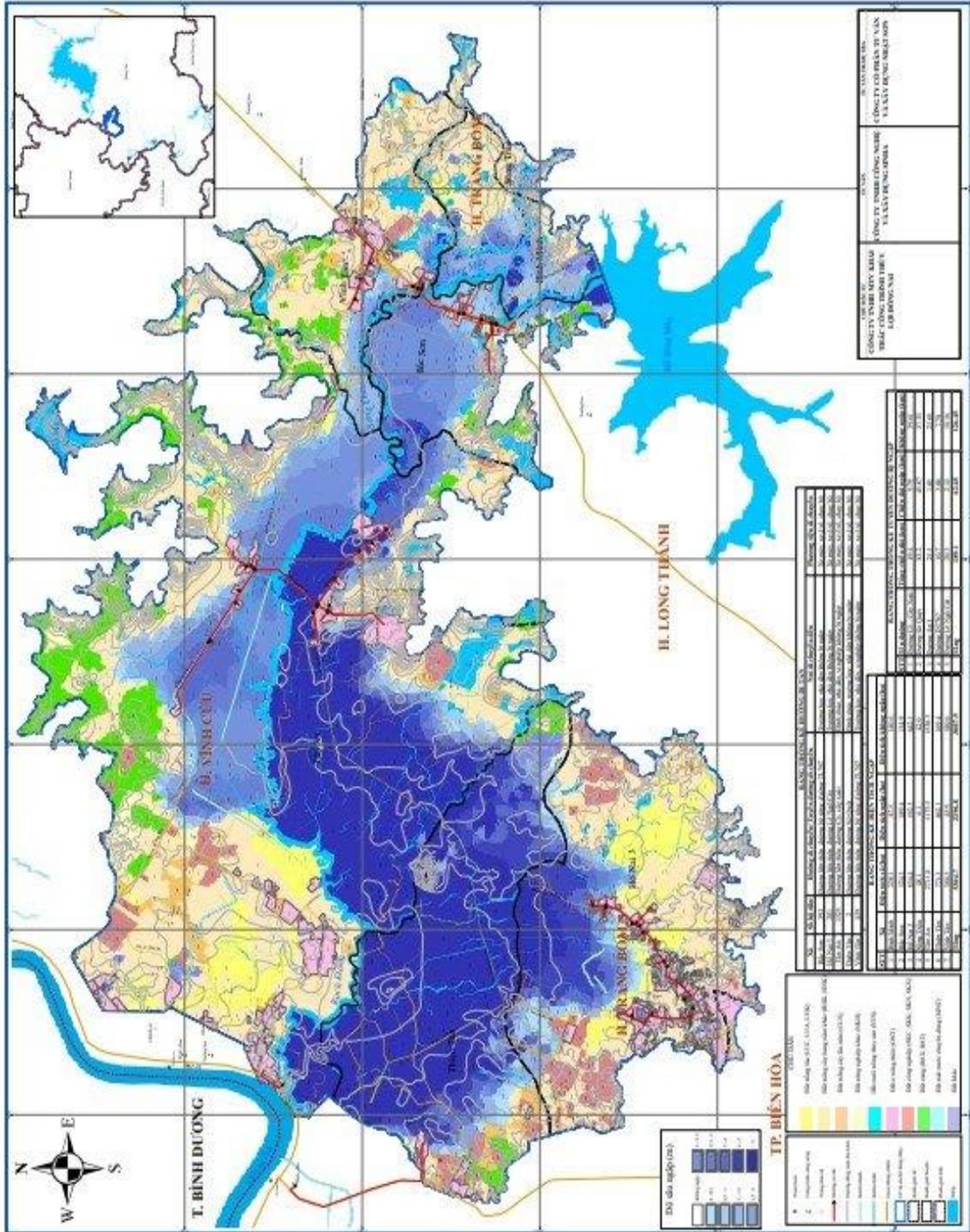
Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	34	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bác Sơn	584	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	1261	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	2289	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	15	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	586	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL3.5: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển kịch bản xả lũ tàn xuất kiểm tra P=0,5% + Vỡ đập

Xã	Số hộ dân	Hướng di chuyển/ Tuyến đường di chuyển	Nơi di chuyển đến	Phương tiện di chuyển
Bình Minh	10	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Bác Sơn	413	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Hố Nai 3	1229	Đường liên thôn, đường Lê Ngô Cát	Trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Tân An	3729	Đường liên thôn, đường Cộ - cây xoài	Đình chùa, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Thiện Tân	216	Đường liên thôn, đường Sờ Quýt	Đình chùa, trường học, nhà dân không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Vĩnh Tân	1590	Đường liên thôn, đường bê tông, đường TL767	Trường học, nhà dân, xí nghiệp không bị ngập	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

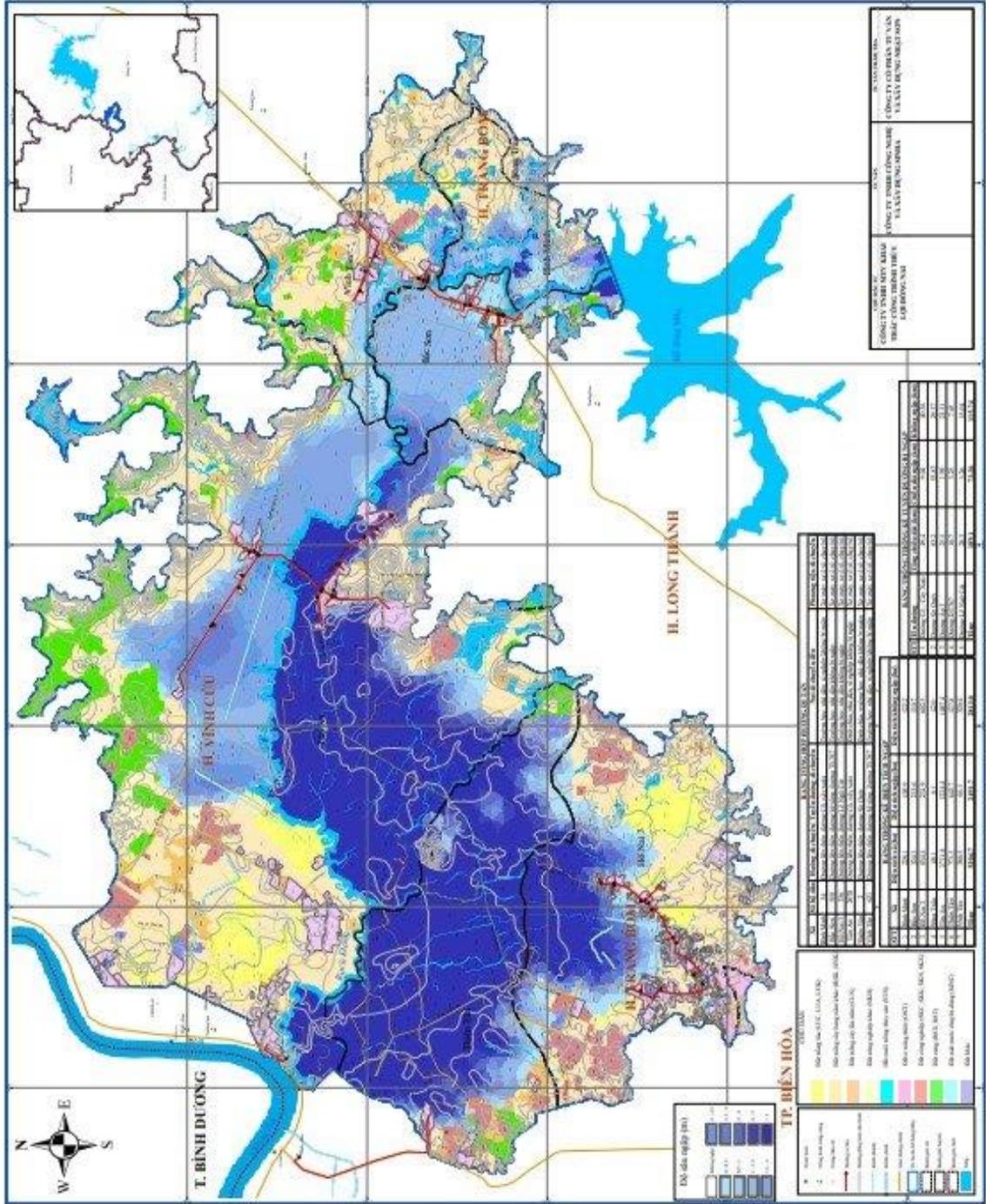
Hình PL3.1: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

BẢN ĐỒ DI DẠNH THEO KỊCH BẢN 1: XẢ LŨ THIẾT KẾ TẦN SUẤT 1,5%



Hình PL3.3: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư kịch bản xả lũ thiết kế P=1,5% + Mua cực trị hạ du (BĐKH)

BẢN ĐỒ DI DẤN THEO KỊCH BẢN 3: XẢ LŨ TẦN SUẤT 1,5% VÀ MƯA CỰC TRỊ HẠ DU, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, PHƯƠNG TIỆN, MÁY MÓC,
THIẾT BỊ, VẬT TƯ**

Bảng PL4.1: Dự phòng lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ công tác
PCTT - TKCN

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão (cơ số)	Cơ số	60	Sở Y tế
2	Thuốc gia đình	Cơ số	600	
3	Thuốc chống dịch	Cơ số	600	
4	Thuốc clomin B	Kg	200	
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ số	8	
6	Vật tư y tế cho tuyến huyện	Cơ số	4	
7	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ số	10	
8	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	400	
9	Mỳ ăn liền	Thùng	10.000	Sở Công Thương
10	Lương khô	Thùng	180	
11	Gạo	Tấn	300	
12	Nước uống đóng chai	Thùng	2.000	
13	Các mặt hàng lương thực thực phẩm khác	Tấn	100	
14	Xăng	Lít	10.000	
15	Dầu	Lít	10.000	

Bảng PL4.2: Dự phòng phương tiện phục vụ di tản

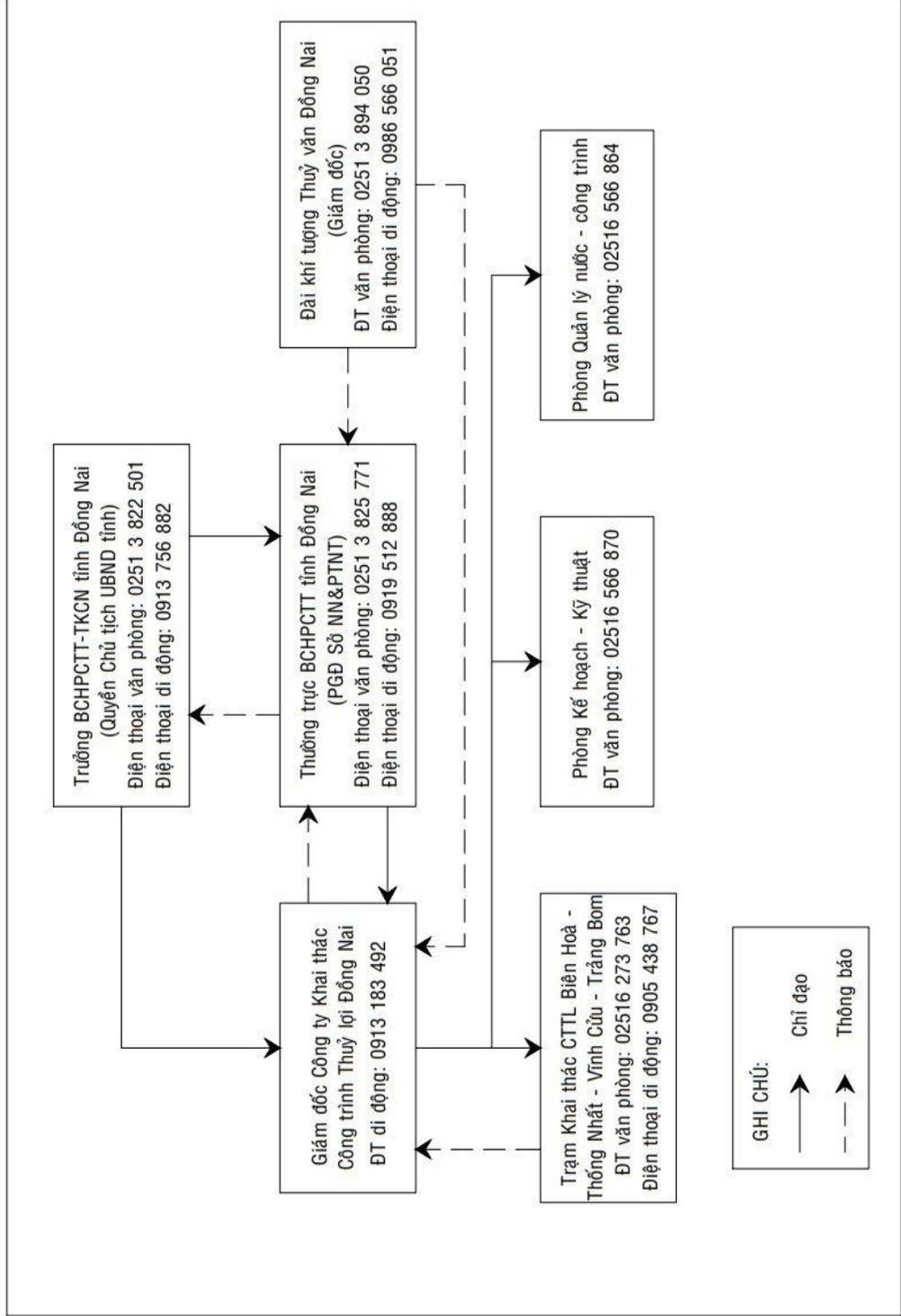
STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
1	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%	320	133
2	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%	400	170
3	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)	450	182
4	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Mưa cực đoan (BĐKH)	500	251
5	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ tần suất kiểm tra P=0,5% + Vỡ đập	600	399

Phụ lục V

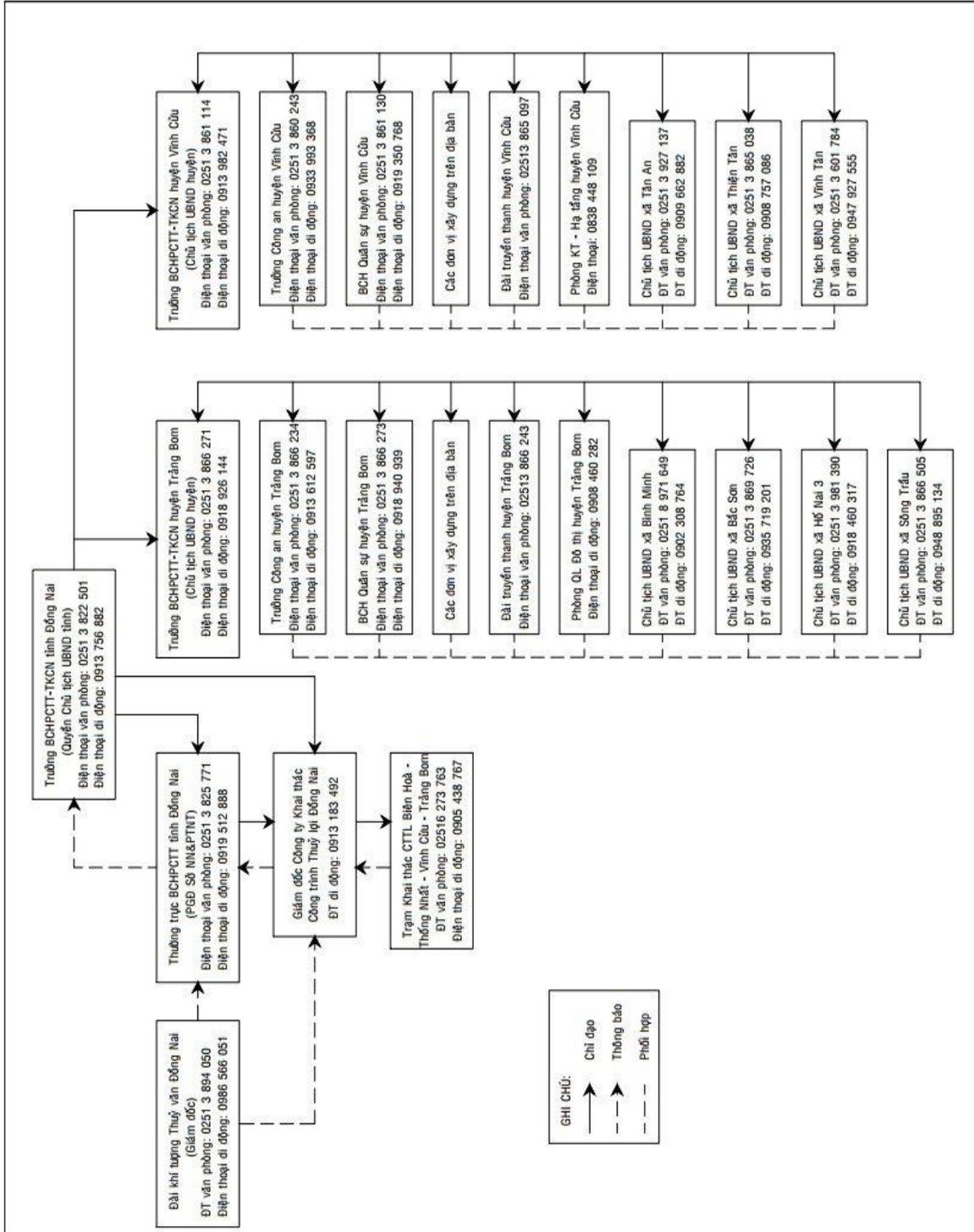
(Kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

SƠ ĐỒ BÁO CÁO ĐỐI VỚI CÁC MỨC BÁO ĐỘNG

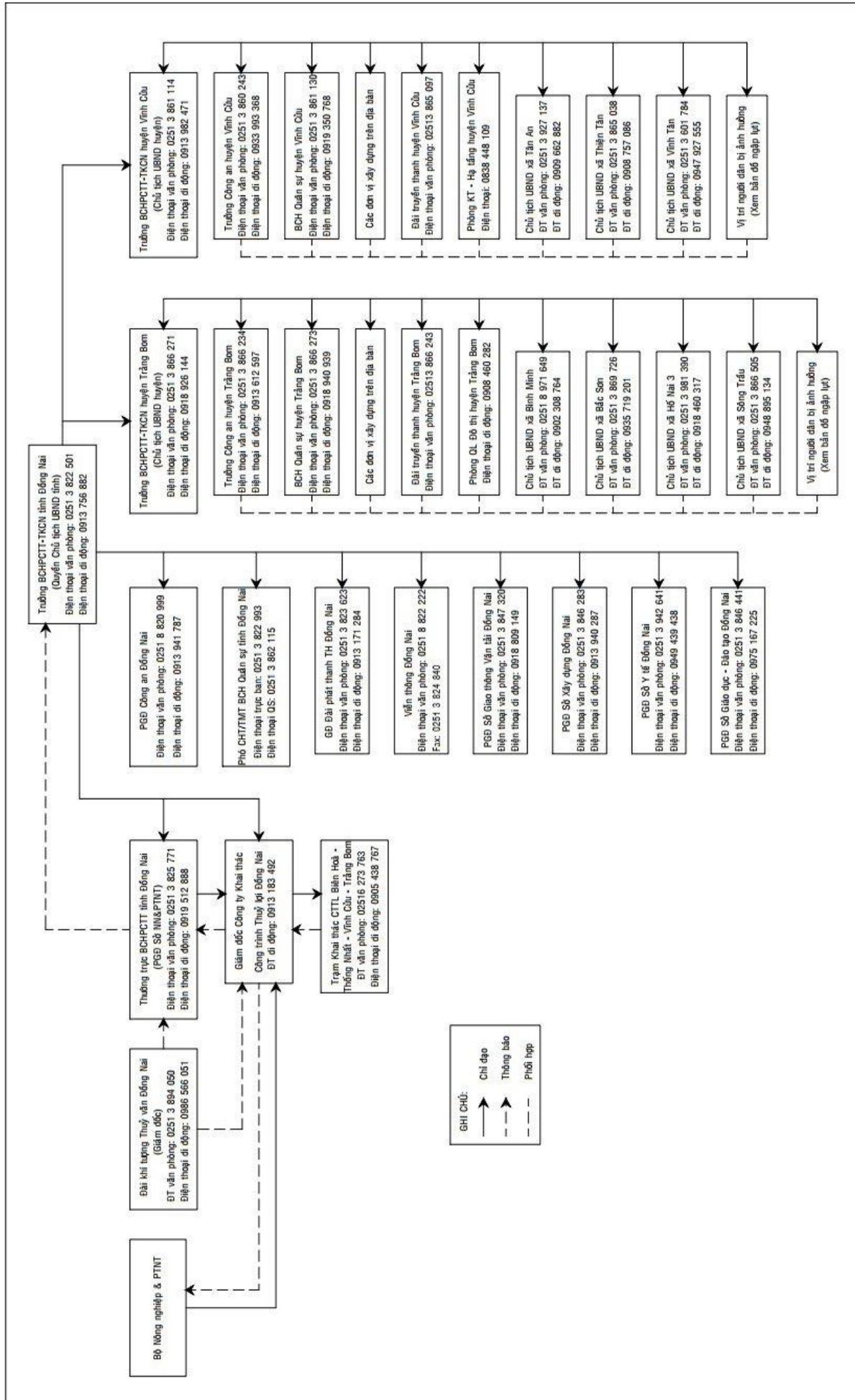
Sơ đồ 5.1: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 1 (Đề phòng)



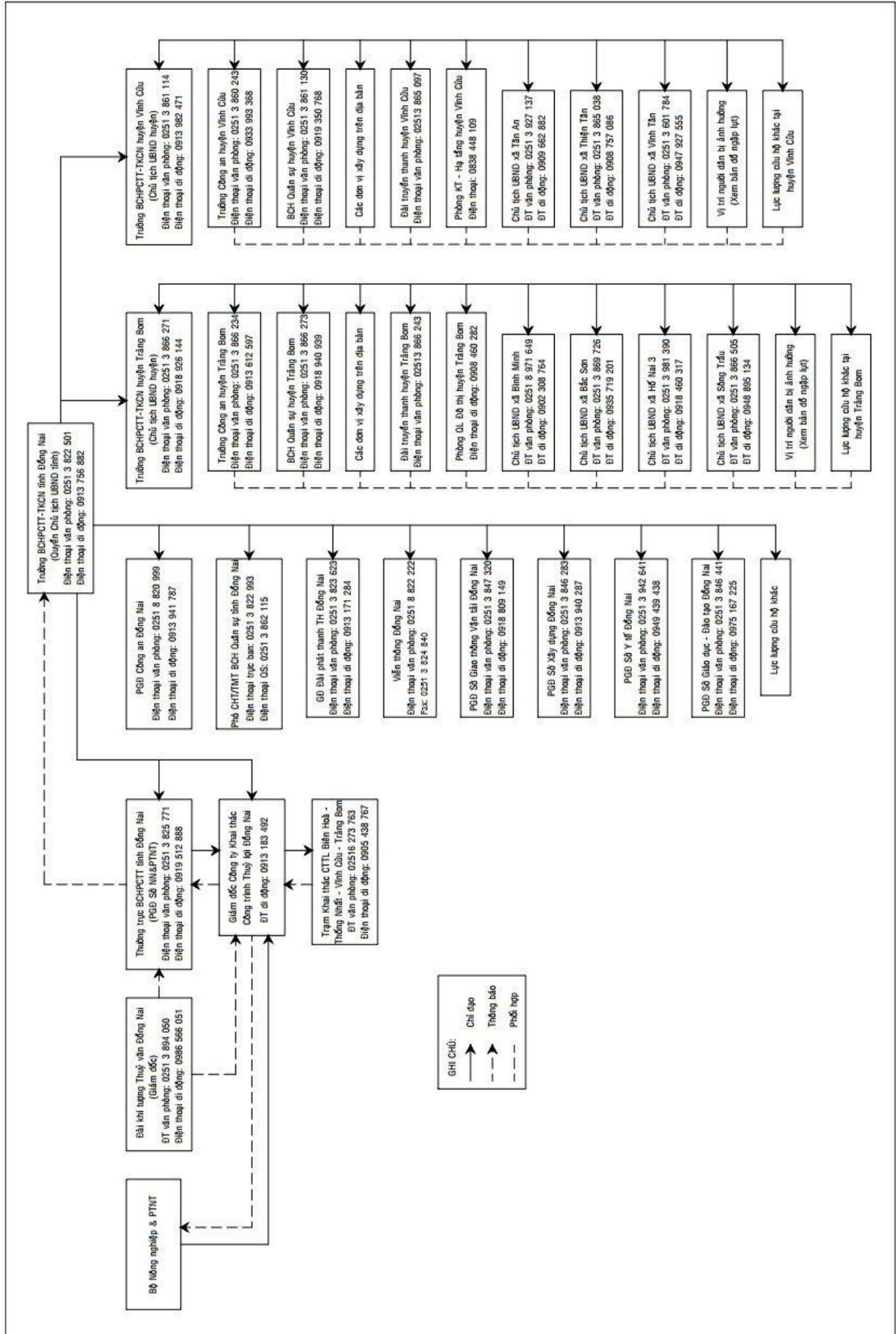
Sơ đồ 5.2: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 2 (Sẵn sàng)



Sơ đồ 5.3: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 3 (hành động khẩn cấp)



Sơ đồ 5.4: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2024

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường giải pháp phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024 của tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian qua, công tác phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo lực, xâm hại trẻ em luôn được các cấp, các ngành của tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện; tuy nhiên, tình trạng trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích, tai nạn đuối nước và trẻ em bị xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh vẫn còn xảy ra. Để hạn chế tình trạng trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích và tử vong do đuối nước nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, gia đình và cộng đồng trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai các nội dung sau:

a) Tổ chức phối hợp liên ngành thanh tra, kiểm tra các địa phương trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ trẻ em, phòng, chống tai nạn thương tích; phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em và kịp thời can thiệp, hỗ trợ cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại. Đảm bảo thực hiện toàn diện quyền trẻ em, nâng cao hiệu quả phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục trẻ em, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Phối hợp chặt chẽ với các địa phương cấp huyện theo dõi, động viên, giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn để các em được học hành, vui chơi, tạo điều kiện để các em được phát triển lành mạnh.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tiếp tục thực hiện công tác phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và phối hợp thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; triển khai theo thẩm quyền việc hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em khi bị bạo lực, xâm hại. Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em; tạo lập môi trường sống an toàn, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em cho trẻ em, phụ huynh

nhất là các địa bàn xảy ra các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục. Ứng dụng công nghệ thông tin, quảng bá Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và các dịch vụ bảo vệ trẻ em để duy trì, kết nối hiệu quả thông tin, báo cáo ở tất cả các cấp về công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

c) Thúc đẩy phát triển cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh nhằm hỗ trợ tâm lý trẻ em cấp huyện, cụm huyện để hỗ trợ cho đội ngũ người làm công tác trẻ em cấp xã thực hiện quy trình can thiệp, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại được kịp thời (bao gồm: Lập hồ sơ, đánh giá, lập kế hoạch can thiệp hỗ trợ, lượng giá, chuyển gửi, tiếp cận chính sách trợ giúp...).

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng liên quan, công an cấp huyện, cấp xã tiếp tục xây dựng, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, mạng lưới xã hội bảo vệ trẻ em, các khu dân cư, trường học an ninh, an toàn, các thiết chế gia đình văn hóa, các mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ ở cơ sở... để phòng ngừa, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm quyền trẻ em nói chung và bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng trên địa bàn dân cư, gia đình, không để phát sinh thành các vụ việc, vụ án phức tạp. Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; rà soát hồ sơ, xử lý dứt điểm các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em đang tồn đọng, chưa xử lý kịp thời; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bao che, chậm trễ, cố tình kéo dài hoặc không xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em.

b) Hướng dẫn công an các cấp quy trình, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đối với hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em; các biện pháp điều tra thân thiện đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị xâm hại tình dục.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em; hoàn thiện việc kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để quản lý, kiểm soát được tình hình di cư và nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tăng cường số hóa, trao đổi thông tin giữa các cơ quan trong công tác bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

d) Điều tra, xử lý nghiêm các chủ công trình không thực hiện các biện pháp phòng ngừa dẫn đến trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích tại các công trình đã, đang thi công.

đ) Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng sử dụng mạng an toàn, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em cho trẻ em, phụ huynh trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Tiếp tục chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương trong tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên gắn với đánh giá, công nhận trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

b) Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các trường học thực hiện các biện pháp bảo vệ học sinh gắn với tăng cường hướng dẫn, giáo dục kiến thức về giới, kỹ năng an toàn, kỹ năng bảo vệ bản thân, kỹ năng sử dụng mạng an toàn và kỹ năng phòng tránh bạo lực, xâm hại cho học sinh; thực hiện tốt công tác bàn giao và phối hợp quản lý trẻ em, học sinh trong các kỳ nghỉ lễ và nghỉ hè theo chức năng, thẩm quyền.

4. Sở Y tế

a) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc thực hiện cấp cứu, điều trị trẻ em bị tai nạn thương tích; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế về phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em; khám, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục. Phát triển dịch vụ bảo vệ trẻ em trên lĩnh vực y tế; chú trọng cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại cơ sở y tế.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ưu tiên tiếp nhận, điều trị, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại; nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ y tế trong việc chăm sóc, tư vấn sức khỏe đối với trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

5. Sở Tư pháp: Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng tạo lập môi trường sống an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em. Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước và Phòng Tư pháp cấp huyện phối hợp các đơn vị liên quan khi được yêu cầu. Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng theo quy định.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình; hướng dẫn gia đình kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em. Chú trọng cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại gia đình.

b) Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện tuyên truyền vận động các gia đình nâng cao ý thức, trách nhiệm, giám sát, nhắc nhở trẻ em về nguy cơ xảy ra thương tích, đuối nước; chủ động đưa con em tham gia học bơi, học các kỹ năng an toàn trong môi trường nước. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh hoạt động bơi, lặn trên địa bàn tỉnh. Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn phương pháp phổ cập bơi và cứu hộ đuối nước cho cán bộ, cộng tác viên, giáo viên làm phong trào bơi, lặn của địa phương. Hàng năm tổ chức Lễ phát động bơi, giải bơi nhằm lan tỏa đến nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện các biện pháp nhằm tuyên truyền hiệu quả các phương pháp phòng chống đuối nước.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Định hướng tuyên truyền nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng tạo lập môi trường sống an toàn, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; kịp thời thông tin, thông báo, tố giác các hành vi vi phạm quyền trẻ em trong đó có bạo lực, xâm hại trẻ em.

8. Sở Giao thông vận tải: Triển khai thực hiện công tác phòng, chống tai nạn giao thông đường bộ, đường thủy cho trẻ em. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các

quy định an toàn giao thông đường thủy và an toàn trong môi trường nước cho trẻ em.

9. Sở Tài chính: Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em của các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng. Tùy tình hình cân đối ngân sách hằng năm Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí theo Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh tăng cường giám sát việc thực thi pháp luật về bảo vệ trẻ em; tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn xã hội lên án mạnh mẽ, kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em trong tổ chức của mình; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em.

11. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh: Chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp tiếp nhận, giải quyết kịp thời, xét xử các vụ án bạo lực, xâm hại trẻ em để xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với các hành vi, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, nâng cao tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Rà soát hồ sơ, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em để xử lý dứt điểm, không để tồn đọng, kéo dài.

12. Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, chủ động tăng thời lượng phát thanh, phát sóng, số lượng tin bài và nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tối đa tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích; bạo lực, bị xâm hại tình dục và vi phạm quyền trẻ em.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị của địa phương triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ trẻ em, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ trẻ em, đặc biệt phòng ngừa, xử lý kịp thời, hiệu quả các trường hợp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em, làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc xử lý chưa kịp thời tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em là nạn nhân bạo lực, xâm hại tình dục. Thực hiện đạt các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng tạo lập môi trường sống an toàn, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em; kịp thời thông tin, thông báo, tố giác các hành vi vi phạm quyền trẻ em trong đó có bạo lực, xâm hại trẻ em. Phát triển dịch vụ bảo vệ trẻ em trên các lĩnh vực: Phúc lợi xã hội, y tế, giáo dục và tư pháp; chú trọng cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em tại gia đình, cơ sở giáo dục và cơ sở y

tế. Tăng cường nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em của địa phương.

c) Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Điều hành Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp huyện, cấp xã về bảo vệ trẻ em các cấp, đặc biệt là phối hợp liên ngành trong quy trình can thiệp, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, tháo gỡ các nút thắt về cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin trong quá trình điều tra của ngành công an với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc đánh giá và cung cấp dịch vụ can thiệp, hỗ trợ. Phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp đưa ra truy tố, xét xử các vụ án bạo lực, xâm hại trẻ em để xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với các hành vi, vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em, nâng cao tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em; hoàn thiện việc kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để quản lý, kiểm soát được tình hình di cư và nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tăng cường số hóa, trao đổi thông tin giữa các cơ quan trong công tác bảo vệ trẻ em và phòng, chống xâm hại trẻ em.

đ) Tiếp tục xây dựng, phát triển phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, mạng lưới xã hội bảo vệ trẻ em, các khu dân cư, trường học an ninh, an toàn, các thiết chế gia đình văn hóa, các mô hình tự phòng, tự quản, tự bảo vệ ở cơ sở... để phòng ngừa, kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm quyền trẻ em nói chung và bạo lực, xâm hại trẻ em nói riêng trên địa bàn dân cư, gia đình, không để phát sinh thành các vụ việc, vụ án phức tạp; ứng dụng công nghệ thông tin, quảng bá Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (số 111) và các dịch vụ bảo vệ trẻ em để duy trì, kết nối hiệu quả thông tin, báo cáo ở tất cả các cấp về công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

e) Tiếp tục chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích và phòng, chống đuối nước trẻ em bằng nhiều hình thức đặc biệt chú trọng tuyên truyền đến từng trường học, lớp học, ấp, tổ dân phố, khu dân cư. Tăng cường chỉ đạo các đơn vị liên quan vận động phụ huynh, các gia đình chủ động cho con em tham gia các lớp học phổ cập bơi trong hè; đồng thời tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em, học sinh, nhất là thời điểm trẻ thi học kỳ II xong và đợt tổng kết năm học, thời điểm nghỉ hè.... Rà soát, phát hiện kịp thời các nguy cơ gây tai nạn thương tích trẻ em đặc biệt là khu vực các hồ công trình, hồ nước, hồ ao, sông ngòi, các khu vực nước sâu nguy hiểm hệ thống thoát nước, đập nước thường xảy ra tai nạn đuối nước hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn đuối nước để che đậy, rào chắn, cắm biển báo nhằm bảo đảm an toàn cho trẻ em. Xử lý nghiêm các chủ công trình không thực hiện các biện pháp che, đậy, rào chắn, gắn biển báo tại các hồ công trình, dẫn đến trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật và tăng cường phối hợp liên ngành trong việc chỉ đạo công tác phòng, chống tai nạn, thương tích và phòng, chống đuối nước cho trẻ em. Thực hiện tốt công tác quản lý và bàn giao trẻ em trong dịp hè. Vận động gia đình thường xuyên quan tâm, trông giữ, giám sát, nhắc nhở trẻ em các nguy cơ gây tai nạn, thương tích, đuối nước, xâm hại trẻ em. Thường xuyên cập nhật tình hình trẻ em bị xâm hại, tai nạn thương tích xảy ra tại địa bàn, hỗ

trợ gia đình nạn nhân, phân tích các nguyên nhân gây tai nạn thương tích cho trẻ em để đề xuất các giải pháp phòng, tránh đạt hiệu quả.

Đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện và kịp thời kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị này. Định kỳ 06 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp). Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét, xử lý theo quy định.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích, xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2024

CHỈ THỊ

Về tăng cường trách nhiệm công vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cung cấp dịch vụ hành chính công phục vụ người dân, doanh nghiệp

Thời gian qua, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính (sau đây gọi là TTHC), dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp; qua đó, việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công đã có những chuyển biến tích cực; tuy nhiên, qua kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và kết quả thanh tra trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện dịch vụ hành chính công năm 2023 cho thấy còn một số tồn tại, hạn chế: tình trạng trả hồ sơ, giải quyết hồ sơ trễ hạn dẫn đến người dân, doanh nghiệp còn phản ánh đến Tổng đài 1022, Cổng dịch vụ công quốc gia.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế được xác định như: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc nhiệm vụ giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp còn chưa quyết liệt; Trách nhiệm công vụ của một số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giải quyết hồ sơ còn chưa cao, đùn đẩy trách nhiệm, không dám làm, đây là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trả hồ sơ, trễ hạn; Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan ngành dọc (thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, công an...), giữa các cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn chưa hiệu quả dẫn đến trễ hạn hồ sơ; Việc kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh, hệ thống phần mềm một cửa của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, giữa các phần mềm của các đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương, giữa các phần mềm trong nội bộ tỉnh còn chưa hoàn chỉnh, vẫn còn trình trạng nhập dữ liệu trên nhiều phần mềm, dẫn đến khó khăn trong công tác giải quyết hồ sơ, theo dõi, đánh giá trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; Công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại một số đơn vị, địa phương chưa kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp thực hiện chậm, chưa đúng quy định.

Nhằm kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế nêu trên và tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ hành chính công cho người dân, doanh nghiệp; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Rà soát quán triệt, triển khai thực chất, hiệu quả Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp và các Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh:

Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 02/3/2023 về nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu của các đơn vị, địa phương; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 25/10/2023 về tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/11/2023 về chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

b) Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại đơn vị, địa phương; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương; tăng cường bổ sung nhân sự, cơ sở vật chất, điều chỉnh bổ sung quy định tiếp nhận và trả kết quả, quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp kịp thời, đúng quy định.

c) Chấn chỉnh, quán triệt lại trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chỉ đạo của cấp trên, nhất là trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết TTHC, công việc của tổ chức, người dân, doanh nghiệp; xác định rõ nguyên nhân để có giải pháp khắc phục dứt điểm tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, sợ trách nhiệm, không dám làm dẫn đến tình trạng hồ sơ trễ hạn.

Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, dể tri tri và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm để xảy ra chậm trễ hoặc không quyết định những vấn đề, công việc thuộc thẩm quyền gây hậu quả thì phải kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước.

d) Chấn chỉnh ngay trách nhiệm công vụ trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, giải quyết hồ sơ công việc hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 8135/UBND-HCC ngày 10/8/2023; khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương dẫn đến chậm trễ trong giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp.

Trong công tác phối hợp để giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, chỉ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp đến vụ việc, không lấy ý kiến phối hợp của cơ quan không liên quan hoặc không cần thiết; cơ quan chủ trì phải theo dõi tiến độ để kịp thời đôn đốc, đảm bảo thời gian xử lý hồ sơ; cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời đúng hạn, đúng chức năng, nhiệm vụ, có quan điểm, trách nhiệm rõ ràng, không trả lời chung chung, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm làm ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc; đây xác định là giải pháp trọng tâm để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương.

đ) Khẩn trương chấn chỉnh các hạn chế, thiếu sót trong công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị, địa phương; tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết, trả kết quả hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là

các lĩnh vực có thành phần hồ sơ phức tạp như: Đầu tư, đất đai, xây dựng, cấp phép các ngành nghề kinh doanh có điều kiện; phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp chậm trễ, trả hồ sơ không đúng quy định; kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ phải được sử dụng để đánh giá công vụ, chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã trực thuộc và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị, địa phương mà không đánh giá lại đối với các nội dung đã được các Đoàn kiểm tra có thông báo kết luận.

2. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh bảo đảm khả năng tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để truy xuất dữ liệu thủ tục hành chính, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cho phép tổ chức, cá nhân đánh giá tiến độ, chất lượng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; chia sẻ thông tin về tình hình giải quyết thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ đã được xác thực và kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa tới cơ sở dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Chủ trì theo dõi, kiểm soát chặt chẽ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của sở, ngành; thực hiện giải pháp tổ chức tập huấn nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần; ứng dụng chữ ký số, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; không để kéo dài tình trạng Hệ thống không đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng tới việc thực hiện các nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh

Tổng hợp theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh thông qua Hệ thống Thông tin một cửa điện tử tỉnh; phối hợp tham mưu chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời và đề xuất xử lý nghiêm người đứng đầu các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không thực hiện nghiêm các quy định, để xảy ra các vi phạm liên quan đến hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính.

4. Giám đốc Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức trong thực hiện dịch vụ hành chính công; kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ sử dụng để đánh giá công vụ, chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu các đơn vị, địa phương mà không đánh giá lại đối với các nội dung đã được các Đoàn kiểm tra có thông báo kết luận.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị này, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo

kết quả lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính về Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.941869

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>